

Số: 111 /BC-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả thực hiện quý I năm 2020, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2020 của ngành Nông nghiệp

Thực hiện Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 về việc Ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-SNNPTNT ngày 20/01/2020 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trọng tâm năm 2020 của ngành Nông nghiệp.

I. Tình hình, kết quả thực hiện quý I năm 2020

1. Sản xuất nông nghiệp

a) Trồng trọt

Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 hiện có **25.288,9** ha, vượt 2,0% KH. Trong đó: Diện tích gieo trồng mới trong vụ là 20.423,7 ha, vượt 2,4% KH. Sản lượng các loại cây trồng ước đạt: Lúa 78.965 tấn, vượt 9,2% so KH; Ngô 12.455,2 tấn, vượt 3,1% so KH; Sắn 99.662,5 tấn, vượt 12,1% so cùng kỳ; Thuốc lá 122,2 tấn, tăng 24,6% so cùng kỳ,...

Diện tích cây ăn quả: Cây Nho 1.238 ha, sản lượng 8.911 tấn, tăng 1,9% so cùng kỳ; Táo 1.006 ha, sản lượng 9.036 tấn, tăng 3,6% so cùng kỳ; Bưởi 566 ha, tăng 9,0% so cùng kỳ, sản lượng 178 tấn; Chuối 1.395 ha, Xoài 494 ha, Cam-Quýt 56 ha, Nhãn-Chôm chôm 69 ha, Thanh long 35 ha, Dừa 350 ha, ... trong giai đoạn cho thu hoạch.

* Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Đông Xuân 2017-2018:

Ước đến cuối quý I, diện tích thực hiện chuyển đổi **897,2 ha/591,2 ha** KH, vượt 51,8% KH¹. Trong đó: Chuyển đổi trên đất lúa 757,70 ha, đất khác 139,5 ha.

¹ Tính đến ngày 05/3, diện tích thực hiện chuyển đổi **897,2 ha/591,2 ha** KH, vượt 51,8% KH. Trong đó: Chuyển đổi trên đất lúa **757,70 ha** (Cây ngắn ngày 713,3 ha: Bắp 19,6 ha, đậu xanh 259,5 ha, đậu đen 25 ha, đậu phộng 70 ha, dưa hấu 139,5 ha, dưa lưới 0,35 ha, dưa hồng kim 9,65 ha, rau đậu các loại 189,7 ha; cây dài ngày 44,4 ha: Bưởi 5,2 ha, mít 1 ha, táo 6,7 ha, nho 12,1 ha, xoài 3 ha, măng tây xanh 0,5 ha, cỏ 15,9 ha), chuyển đổi trên đất khác **139,5 ha** (Cây ngắn ngày 117 ha: Kiệu 15 ha, dưa hấu 93 ha, đậu xanh 3 ha, bắp 6 ha; cây dài ngày 22,5 ha: Bưởi 1 ha, dưa 5,5 ha, nha đam 2 ha, cóc thái 10 ha, lựu 4 ha). Cụ thể tại các huyện: Ninh Sơn 526,7 ha/175 ha, Ninh Phước 77,5 ha/70,2 ha, Ninh Hải 17 ha/15 ha, Bác Ái 113 ha/100 ha, Thuận Bắc 51,5 ha/50 ha, Thuận Nam 111,5 ha/181 ha.

*** Thực hiện mô hình sản xuất cánh đồng lớn:**

Toàn tỉnh đã gieo trồng được 2.619,75 ha/22 cánh đồng lớn. Trong đó, triển khai mới 03 cánh đồng lúa với diện tích 250 ha²; tiếp tục duy trì 19 cánh đồng với diện tích 2.369,75 ha³ (15 cánh đồng lúa 2.224,83 ha, 02 cánh đồng măng tây 35 ha, 01 cánh đồng nho 29,92 ha, 01 cánh đồng bắp giống 80 ha).

b) Lưu lượng nước tại các hồ chứa

Tính đến ngày 06/3/2020, lượng nước tích được của 21 hồ chứa trên địa bàn tỉnh 52,93 triệu m³/194,49 triệu m³, chiếm 27,21% dung tích thiết kế; lượng nước của hồ Đơn Dương 107,63 triệu m³/165 triệu m³, đạt 65,23% dung tích thiết kế, lưu lượng nước vào hồ 5,47 m³/s và đang xả với lưu lượng 14,46 m³/s.

*** Tác động của hạn hán đối với sản xuất nông nghiệp:** Tính đến ngày 06/3/2020, diện tích lúa bị thiệt hại do hạn hán gây ra là 14,8 ha (huyện Ninh Hải 4,8 ha; Ninh Sơn 10 ha). Diện tích dừng sản xuất vụ Đông Xuân 2019 – 2020 do thiếu nước tưới là 7.873,8 ha, trong đó: cây lúa 4.556,5 ha, cây màu 3.317,3 ha. Các loại cây trồng lâu năm có nguy cơ chết do thiếu nước, giảm năng suất, sản lượng; đàn gia súc có nguy cơ thiếu thức ăn, nước uống,...

*** Các giải pháp chống hạn đang triển khai:**

Thực hiện Chỉ thị số 67-CT/TU ngày 07/02/2020 của Tỉnh Ủy và Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh, Ngành đã chủ động phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện giải pháp phòng chống hạn: triển khai các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện hạn hán (như: Mô hình tưới tiết kiệm, mô hình xem canh, luân canh có hiệu quả; quy trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý nước trong ruộng lúa theo từng giai đoạn sinh trưởng và chủ động tưới theo quy trình ướt – khô kẽ nhằm tiết giảm sử dụng nước trong sản xuất lúa), thực hiện phương án bảo vệ đàn gia súc, phương án phòng chống cháy rừng,... Chuẩn bị đầy đủ vật tư, hóa chất, nhân lực nhằm khắc phục ngay sự cố nếu xảy ra, giảm thiểu mất nước. Đồng thời, Ngành phối hợp với địa phương nạo vét, khơi thông dòng chảy các suối còn nước; đầu nối các công trình cấp nước tập trung; dự phòng thêm một số máy bơm để tăng công suất ở các trạm, các hồ dưới mực nước chết.

² Triển khai mới 03 cánh đồng lớn: Cánh đồng lúa tại HTX dịch vụ nông nghiệp Bàu Trúc, Phước Dân 100ha/100ha KH; cánh đồng lúa tại HTX dịch vụ nông nghiệp Bình Quý, Phước Dân 100ha/100ha KH; cánh đồng lúa tại HTX dịch vụ nông nghiệp Tân Lập 1, Lương Sơn 50ha/50 ha KH.

³ Tiếp tục duy trì 19 cánh đồng lớn: Cánh đồng bắp giống tại Phước Vĩnh 80ha/80ha KH; cánh đồng măng tây tại xã An Hải 25ha/35ha KH; cánh đồng nho tại xã Vĩnh Hải 29,92ha/29,92ha KH; cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Như Bình, Phước Thái 102ha/102ha KH, cánh đồng lúa tại HTX KDDV nông nghiệp Hoài Trung, Phước Thái 120ha/120ha KH, cánh đồng lúa tại HTX KDDV nông nghiệp Phước Hậu 150ha/150ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Trường Thọ, Phước Hậu 413ha/593ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Vạn Phước, Phước Thuận 207ha/207ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Phước Khánh, Phước Thuận 117ha/117ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Phú Quý, thị trấn Phước Dân 100ha/150ha KH, cánh đồng lúa tại Mông nhuận, Phước Hữu 200ha/400ha KH, cánh đồng lúa tại thôn Ninh Quý, xã Phước Sơn 124,5ha/124,5ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp An Xuân, Xuân Hải 158,8ha/158,8ha KH, cánh đồng lúa tại thôn Gò Đền, xã Tân Hải 108ha/157,84ha KH, cánh đồng lúa tại thôn tại thôn An Nhơn và An Xuân, xã Xuân Hải 151,53ha/151,53 ha KH; cánh đồng lúa tại thôn Tân Lập 1, xã Lương Sơn 100ha/100ha KH, cánh đồng lúa giống tại thôn Hiệp Kiết, xã Công Hải 70ha/70ha KH, cánh đồng lúa giống tại xã Bắc Phong 103ha/103ha KH.

c) Chăn nuôi

Sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm quý I/2020 là 8.646,1 tấn (trong đó: thịt trâu bò 1.690,1 tấn⁴; thịt dê cừu 1.094,5 tấn; thịt heo hơi 4.384,4 tấn; thịt gia cầm 1.477,1 tấn), tăng 23,1% so cùng kỳ. Sản lượng trứng gia cầm 14,6 triệu quả, tăng 11,5% so cùng kỳ.

d) Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi

- Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng đã được Sở chỉ đạo cán bộ bảo vệ thực vật phối hợp mạng lưới cộng tác viên bảo vệ thực vật cơ sở thường xuyên theo dõi, điều tra và kết hợp với công tác dự tính dự báo nhằm nắm chắc tình hình sinh vật gây hại, thông báo kịp thời cho nông dân các biện pháp phòng trừ có hiệu quả khi còn ở phạm vi nhỏ.

- Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm ổn định, trên địa bàn tỉnh không xảy ra ca mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (*Lở mồm long móng, cúm gia cầm, heo tai xanh*). Đối với một số bệnh truyền nhiễm thông thường khác như Tụ huyết trùng trên trâu bò chỉ xuất hiện rải rác của huyện Ninh Hải và Ninh Sơn, nhưng được phát hiện sớm và điều trị kịp thời, không lây lan.

Đồng thời, tăng cường công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm, thực hiện Tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường đợt I/2020 với lượng hóa chất đã sử dụng là 1.976 lít Benkocid. Thẩm định và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 02 cơ sở giết mổ, cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật cho 01 trang trại heo nái sinh sản.

2. Sản xuất thủy sản

a) Nuôi trồng thủy sản

- **Tôm thương phẩm:** Diện tích nuôi đạt 112,3 ha, tăng 0,3% so cùng kỳ, sản lượng thu hoạch ước 645,0 tấn, đạt 99,2% so cùng kỳ; **Cá:** Diện tích nuôi ước đạt 83,0 ha⁵, tăng 3,75% so cùng kỳ, sản lượng ước đạt 104,6 tấn⁶; **Ôc hương:** sản lượng ước đạt 230 tấn, tăng 5,9% so cùng kỳ; **Thủy sản khác:** Sản lượng ước 414 tấn, tăng 2,5% so cùng kỳ.

- **Trồng rong:** Diện tích trồng đạt 12 ha bằng cùng kỳ, tập trung tại khu vực huyện Ninh Hải. Rong đang sinh trưởng và phát triển bình thường.

b) Khai thác

Trong quý I năm 2020, toàn tỉnh có khoảng trên 65% lượng tàu cá tham gia hoạt động khai thác thủy sản trên ngư trường từ Bình Thuận đến Cà Mau với nhiều nghề đạt hiệu quả như: Pha xúc, vây rút chì, lưới rê nylon, lưới kéo, ... (do vụ cá Bắc đầu năm 2020 tình hình thời tiết không thuận lợi, một số tàu cá bảo dưỡng, sửa chữa, hoán cải để thực hiện vương khơi kéo dài từ cuối năm 2019 đến nay mới bắt đầu tham gia hoạt động khai thác thủy sản). Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 19.202,8 tấn, đạt 84,5% so cùng kỳ.

⁴ Trong đó: Sản lượng thịt trâu 46,8 tấn, thịt bò 1.643,3 tấn.

⁵ Trong đó: Cá mặn lợ 5 ha, cá nước ngọt 78 ha.

⁶ Trong đó: Cá mặn lợ 35,1 tấn, cá nước ngọt 69,5 tấn.

Công tác quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản: Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá 361 tàu, tăng 19,54% so với cùng kỳ; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tàu cá 217 chiếc⁷, tăng 8,5% so với cùng kỳ; đăng ký tàu cá 163 chiếc; cấp đăng ký thuyền viên tàu cá 99 trường hợp; xét duyệt cải hoán tàu cá 45 trường hợp.

c) Sản xuất giống thủy sản

Tôm giống: Trong quý I, sản lượng sản xuất đạt 10.098 triệu con Postlarvae, tăng 5,7% so cùng kỳ⁸ (nguyên nhân là do nhu cầu tôm giống tăng nhẹ, kết hợp quá trình ương nuôi ấu trùng đạt hiệu quả). **Giống thủy sản khác:** Sản lượng sản xuất giống các loại thủy sản khác ước đạt 40 triệu con, bằng cùng kỳ.

d) Công tác phòng chống dịch bệnh trên động vật thủy sản

Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; triển khai Kế hoạch sản xuất, lịch thời vụ nuôi trồng thủy sản năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh; Tập trung công tác quản lý chất lượng giống thủy sản theo Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám sát chuyển đổi mục đích sử dụng tôm bố mẹ hết thời gian sử dụng sinh sản 32 lô/12.453 con; Kiểm tra và cấp 39 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ương dưỡng giống thủy sản theo quy định.

Chú trọng công tác quan trắc môi trường và cảnh báo dịch bệnh tại các vùng nuôi tập trung của tỉnh, kịp thời đưa ra các cảnh báo, khuyến cáo về tình hình dịch bệnh cũng như ô nhiễm môi trường phục vụ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Ngành đã triển khai 01 đợt QTMT với 13 mẫu giáp xác và 20 mẫu nước tại khu vực sản xuất giống thủy sản (Cà Ná, An Hải, Tri Hải, Nhơn Hải, Thanh Hải) và khu vực nuôi thủy sản thương phẩm tập trung (Hòa Thạnh, Nam Cương, Sơn Hải...).

Ngoài ra, kiểm dịch 1.633,1 triệu con *Nauplius*, 2.108 con tôm sú bố mẹ, 28.000 con cá mú, 43.400 con ốc hương giống.

đ) Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2016/NĐ-CP, Quyết định 48/2010/QĐ-TTg

*** Triển khai thực hiện Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg**

Trong quý I/2020, tham mưu UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt bổ sung chèo 47 tàu cá đủ điều kiện khai thác thủy sản, dịch vụ khai thác thủy sản trên các vùng biển xa (46 tàu khai thác thủy sản, 01 tàu dịch vụ thủy sản). Nâng tổng số tàu cá của tỉnh đủ điều kiện tham gia khai thác thủy sản, dịch vụ khai thác thủy sản trên các vùng biển xa lên 679 tàu (634 tàu khai thác thủy sản, 45 tàu dịch vụ thủy sản).

⁷ Trong đó: Kiểm tra xếp loại 108 chiếc, kiểm tra định kỳ 109 chiếc.

⁸ Trong đó: Tôm sú 2.620 triệu con, tôm thẻ 7.478 triệu con.

*** Triển khai thực hiện các Nghị định số: 67/2014/NĐ-CP, 17/2018/NĐ-CP**

Trong quý I/2020, Ngành đã tổ chức họp thẩm định 02 hồ sơ đề nghị hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP của Chính phủ, cho chủ tàu Trịnh Xuân Hải thuộc phường Đông Hải, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và chủ tàu Huỳnh Trọng Nghĩa thuộc xã Tri Hải, huyện Ninh Hải.

3. Lâm nghiệp

Trong quý I, lực lượng Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng, chính quyền địa phương phối hợp với lực lượng Công an, Quân đội tập trung thực hiện Phương phòng chống cháy rừng 2020 (*Cấp dự báo cháy rừng cấp V- cấp cực kỳ nguy hiểm*). Từ đầu mùa cháy đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 48 điểm cháy, nhưng đều được phát hiện kịp thời, không gây thiệt hại đến cây rừng, chỉ cháy cỏ khô, lá khô dưới tán rừng. Đồng thời kết hợp kiểm tra, truy quét và tuần tra kiểm soát 511 đợt với hơn 3.513 lượt người tham gia tại các vùng giáp ranh, khu vực trọng điểm phá rừng và trên địa bàn quản lý; phát hiện, ngăn chặn 47 vụ vi phạm (*phá rừng trái phép 6 vụ, lấn chiếm đất rừng 3 vụ, vận chuyển buôn bán lâm sản trái phép 22 vụ và vi phạm khác 16 vụ*). Trong đó: đã xử lý 32 vụ vi phạm, tịch thu 5,05 m³ gỗ tròn; 4,33 m³ gỗ xẻ; 270 kg than hầm; 6.924 kg gốc cây; 14 xe máy và 13 cửa máy.

Các Chương trình, Dự án phát triển rừng: Tập trung chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng năm 2, năm 3, năm 4 với diện tích 1.287,17 ha; giao khoán bảo vệ rừng chuyên tiếp 2019 với diện tích 65.987,28 ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 3.027 ha.

Thực hiện chính sách chi trả DVMTR và Quỹ BV&PTR: Phát sinh thu trong quý I là 1.241 triệu đồng/6.234 triệu đồng, đạt 19,9% KH.

4. Diêm nghiệp

Tính đến ngày 12/3/2020, tổng sản lượng muối sản xuất được 173.920 tấn⁹, tăng 131.120 tấn so cùng kỳ. Giá muối hiện tại: Muối diêm dân 400đ - 600đ/kg, muối công nghiệp 700đ - 850đ/kg.

5. Chương trình xây dựng nông thôn mới

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình nông thôn mới năm 2020 và kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình nông thôn mới năm 2020; Phối hợp với các Sở, ngành tổ chức thẩm định hồ sơ, tiêu chí đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 cho các xã Nhơn Hải, Vĩnh Hải và Lâm Sơn; Tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới 2019 cho các xã Phước Hải, An Hải; Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn thẩm tra và tổ chức đoàn thẩm tra để tiến hành khảo sát thực tế, thẩm tra hồ sơ xét đề nghị, công nhận huyện Ninh Phước đạt huyện nông thôn mới; xây dựng hướng dẫn quy trình triển khai xây dựng

⁹ Trong đó: Muối công nghiệp 110.200 tấn, muối diêm dân 63.720 tấn.

khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại 02 thôn An Nhơn (xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải) và Ninh Quý 2 (xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước).

6. Phát triển nông thôn

Chương trình Bố trí dân cư: Dự án bố trí dân cư vùng sạt lở ven biển Cà Ná, huyện Thuận Nam: Đã phê duyệt phương án – kinh phí bồi thường cho 04 hộ gia đình, cá nhân có đất được bồi thường để giải phóng mặt bằng giai đoạn 3 của dự án; Nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống nước sinh hoạt (giai đoạn 2) và hệ thống điện sinh hoạt (giai đoạn 1); Nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng gói thầu số 37 (thi công xây dựng 16 căn nhà tái định cư) và đã bàn giao cho các hộ dân sử dụng.

Kinh tế hợp tác: Tiếp tục triển khai Đề án "Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác nông nghiệp"; Hỗ trợ mô hình thí điểm cán bộ trẻ về làm việc tại các HTX năm 2020; Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Hợp tác xã năm 2020, các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX; kết hợp tuyên truyền phổ biến Luật HTX với triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo Kế hoạch số 4043/KH-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Kế hoạch Phát triển kinh tế tập thể năm 2020 nhằm góp phần xây dựng thành công 6-7 HTX nông nghiệp điển hình kiểu mới trên địa bàn tỉnh.

7. Công tác quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản

Tổ chức thẩm định xếp loại 11 cơ sở sản xuất kinh doanh NLTS đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, kết quả 01 cơ sở xếp loại A và 10 cơ sở xếp loại B, cấp 10 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; cấp 19 giấy xác nhận kiến thức cho 17 cơ sở và 02 cá nhân (với 130 người trực tiếp sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thực hiện kiểm tra xác nhận kiến thức ATTP); thường xuyên khảo sát, nắm tình hình hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm và thủy sản.

8. Công tác thanh tra; tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng

Thực hiện 01 cuộc thanh tra trách nhiệm theo kế hoạch năm 2020; 04 cuộc thanh tra chuyên ngành (*Chi cục Thủy sản thực hiện 03 cuộc theo kế hoạch, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản thực hiện 01 cuộc đột xuất*) với 84 tổ chức, cá nhân, đã phát hiện 06 tổ chức, cá nhân vi phạm, xử phạt hành chính 31.350.000 đồng. Tổ chức 01 lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra với 60 người tham gia.

Qua triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống tham nhũng, trong quý I/2020 nhìn chung trong toàn ngành không có đơn vị, cá nhân để xảy ra tiêu cực, tham nhũng.

9. Xây dựng cơ bản

Thường xuyên đôn đốc các đơn vị chủ dự án đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp của năm 2019 chuyển sang năm 2020 hoàn thành bàn giao, quyết toán theo quy định; 13 công trình nghiệm thu đưa vào khai thác

sử dụng; 01 hồ sơ xin cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

10. Công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật, nhân rộng mô hình

a) Dự án: “Ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong chăn nuôi bò hướng thịt tại các xã khó khăn, dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận”, thực hiện năm thứ 3, gồm 03 mô hình như sau:

+ Mô hình nuôi bò thuần hướng thịt (Bò cái Brahman), quy mô 30 con bò cái giống/30 hộ tại các xã Phước Thắng, Mỹ Sơn, An Hải. Đến nay đã phối được 14 con bò cái có chửa, số bê sinh ra: 02 con, khối lượng bê sơ sinh bình quân đạt 26,75 kg/con.

+ Mô hình nuôi bò lai hướng thịt (Bò cái lai Zebu), quy mô 520 liều tinh, 06 bò đực giống/30 hộ tại các xã Phước Thắng, Mỹ Sơn, An Hải. Đến nay đã phối giống trực tiếp được 67 con bò cái có chửa. Đã thụ tinh nhân tạo có chửa 216 con, số bê sinh ra: 19 con, khối lượng bê sơ sinh bình quân đạt 23,5 kg/con.

+ Trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến cỏ (VA-06, Sả lá lớn) làm thức ăn cho bò, quy mô 06ha/ 30 hộ tại các xã Phước Thắng, Mỹ Sơn, An Hải. Cỏ sinh trưởng, phát triển tốt, đã cắt lúa 3; ủ được 6 tấn thức ăn; tiếp tục hướng dẫn kỹ thuật chế biến thức ăn cho các hộ dân tham gia dự án.

b) Dự án Xây dựng mô hình trồng và thâm canh cây ăn trái (bưởi da xanh, táo, măng cầu dai...) theo hướng VietGAP quy mô 22 ha/54 hộ. Thực hiện năm thứ 2, gồm các mô hình như sau:

+ Mô hình trồng mới cây bưởi da xanh theo hướng VietGAP: Quy mô 10 ha, triển khai tại các xã Phước Thái, Mỹ Sơn, Lương Sơn, Lâm Sơn. Cây sinh trưởng phát triển tốt; chiều cao cây trung bình từ 100 - 120 cm; số cành cấp 1 từ 3-4 cành. Cán bộ kỹ thuật tiếp tục theo dõi và hướng dẫn các hộ tham gia mô hình chăm sóc, tạo tán, phòng trừ sâu bệnh hại cho cây bưởi.

+ Mô hình trồng mới cây măng cầu theo hướng VietGAP: Quy mô 04 ha tại xã Vĩnh Hải. Chiều cao cây trung bình 80 cm; Số cành cấp 1: 3-4 cành; cán bộ kỹ thuật tiếp tục theo dõi và hướng dẫn các hộ tham gia mô hình chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cho cây măng cầu giai đoạn kiến thiết cơ bản.

+ Mô hình trồng mới cây táo theo hướng VietGAP: Quy mô 04 ha, tại xã Phước Sơn và Vĩnh Hải. Chiều cao cây trung bình là 80 - 90 cm, cây sinh trưởng phát triển tốt; cán bộ kỹ thuật đang hướng dẫn tỉa các cành nhánh để cho cây lên giàn tạo tán.

+ Triển khai công tác chọn hộ, chọn điểm và tiến hành thủ tục đầu thầu mua cây giống, vật tư cho các mô hình mới sẽ thực hiện trong quý II, gồm: Mô hình trồng mới cây măng cầu theo hướng VietGAP, quy mô 11ha; Mô hình thâm canh cây bưởi da xanh theo hướng VietGAP, quy mô 7ha; Mô hình thâm canh măng cầu theo hướng VietGAP, quy mô 10ha; Mô hình thâm canh táo theo hướng VietGAP, quy mô 3ha.

c) Dự án Xây dựng hạ tầng phục vụ vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã An Hải, huyện Ninh Phước (thuộc Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung): 01 mô hình Tưới tiết kiệm trên cây măng tây, quy mô 0,66 ha/03 hộ tại xã An Hải. Đang triển khai công tác chọn hộ và hồ sơ thủ tục mua giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị tưới tiết kiệm.

d) Mô hình Trồng thâm canh đậu xanh, quy mô 46 ha (Mỹ Sơn, Phước Hữu và thị trấn Phước Dân): cây giai đoạn ra hoa, sinh trưởng phát triển tốt.

e) Nhân rộng các mô hình tại huyện Ninh Phước theo quyết định 389/QĐ-SNNPTNT ngày 14/11/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Mô hình măng tây xanh, quy mô 4 ha tại xã Phước Hải: cán bộ kỹ thuật đang hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ dân thực hiện mô hình.

f) Nhân rộng các mô hình tại huyện Ninh Hải theo quyết định 402/QĐ-SNNPTNT ngày 05/12/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Mô hình nho an toàn, măng tây xanh, tỏi an toàn: đang thực hiện chọn hộ và hồ sơ thủ tục mua giống.

j) Phối hợp với Viện Nghiên cứu Mía đường thực hiện Dự án khuyến nông trung ương “Mô hình trồng giống mía mới, áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh, liên kết với nhà máy tiêu thụ mía nguyên liệu”: quy mô 15 ha, tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn (08 ha) và xã Phước Chính, huyện Bác Ái (07 ha); Đang triển khai công tác chọn hộ và hồ sơ thủ tục mua giống, phân bón, thuốc BVTV.

Công tác đào tạo, tập huấn: Trong quý I đã tổ chức 06 lớp tập huấn kỹ thuật cho 220 lượt người về kỹ thuật trồng trọt.

Ngoài ra, tham gia viết bài cho trang web của Sở Nông nghiệp và PTNT và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (05 bài).

11. Công tác tham mưu, quản lý nhà nước khác

a) Công tác tham mưu

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/10/2016 và Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy trong năm 2020; Quyết định giao chỉ tiêu duy trì và xây dựng mới cá liên kết cánh đồng lớn 2020; Kế hoạch chống hạn năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 09/01/2020; Trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt các Nghị quyết: “Điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2030 và Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ rừng cấp bách.

b) Quản lý khai thác các công trình thủy lợi, công trình cấp nước

Phối hợp chặt chẽ với các địa phương duy trì thực hiện phương án điều tiết nước tưới cho sản xuất theo hướng tiết kiệm, hợp lý; tuyên truyền cho nhân dân tự giác bảo vệ và sử dụng nước tiết kiệm. Tăng cường quản lý, tổ chức vận hành có hiệu quả các hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn do ngành quản lý; tổ chức lắp đặt đồng hồ kéo nước vào nhà dân theo kế hoạch; thường xuyên

kiểm tra chất lượng nguồn nước, đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định để cung cấp cho nhân dân sinh hoạt.

c) Công tác Quản lý đầu tư xây dựng

Tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát chất lượng công trình, thường xuyên đôn đốc tiến độ thi công các dự án ngành làm chủ đầu tư đảm bảo tiến độ, sớm đưa vào khai thác.

II. Nhiệm vụ trọng tâm trong quý II năm 2019

1. Công tác tuyên truyền, xây dựng và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của ngành

- Tiếp tục tập trung cho công tác tuyên truyền: Luật và các văn bản dưới Luật về các lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, trồng trọt, thú y và lâm nghiệp; tiếp tục vận hành hiệu quả mô hình "Mỗi cán bộ, công chức, viên chức là một truyền thuyên viên" để tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, định hướng xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và phòng chống dịch bệnh.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện 05 chuyên đề trọng tâm của ngành Nông nghiệp năm 2020 (*Chuyển đổi cơ cấu cây trồng; liên kết cánh đồng lớn; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả gắn với xây dựng NTM; liên kết chuỗi giá trị với các doanh nghiệp; áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất*) có hiệu quả nhằm góp phần đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Sản xuất nông nghiệp

- Tập trung cho thu hoạch vụ Đông Xuân 2019-2020; theo dõi, chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu năm 2020 trong điều kiện hạn hán kéo dài; tiếp tục thực hiện công tác chuyển đổi vụ Hè Thu và mô hình sản xuất cánh đồng lớn; triển khai san phẳng mặt ruộng cho huyện Bắc Ái và các địa phương theo Kế hoạch số 62/KH-UBND của UBND tỉnh.

- Làm tốt công tác dự báo, dự tính, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thủy văn để điều chỉnh hợp lý kế hoạch cấp nước, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng; tăng cường công tác hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cây trồng và phòng trừ dịch hại; thường xuyên triển khai thực hiện công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, an toàn vệ sinh thực phẩm; công tác giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm tại các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh. Hạn chế mức thấp nhất về thiệt hại do sâu, rầy, dịch bệnh,... trên cây trồng và vật nuôi.

3. Sản xuất thủy sản

- Làm tốt công tác dự báo thông tin ngư trường, chỉ đạo sản xuất và hỗ trợ ngư dân khai thác. Tiếp tục triển khai kế hoạch vận động, hướng dẫn và hỗ trợ ngư dân tham gia khai thác hải sản trên vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

- Chỉ đạo và hướng dẫn nuôi thủy sản theo các quy trình sản xuất tốt, quan trắc môi trường, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, phòng ngừa dịch bệnh tại các

vùng nuôi, tiêu độc khử trùng các ao nuôi khi có bệnh xảy ra. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản đảm bảo giống đạt chất lượng cao, sạch bệnh, cung cấp cho các vùng nuôi trong và ngoài tỉnh.

- Theo dõi chặt chẽ hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản: về quản lý tàu cá, thuyền viên; về thu gom, bảo quản vận chuyển thủy sản khai thác, về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không chấp hành theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

4. Lâm nghiệp

- Tiếp tục chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm thực hiện phương án phòng chống cháy rừng năm 2020; thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, tổ chức cảnh báo cháy rừng, ngăn ngừa các nguy cơ xảy ra cháy rừng; chuẩn bị và triển khai tốt lực lượng, phương tiện, vật chất trang thiết bị sẵn sàng cho công tác chữa cháy rừng để kịp thời dập tắt khi có xảy ra.

- Tổ chức kiểm tra, truy quét, ngăn chặn chống phá rừng; triển khai công tác chuẩn bị trồng rừng theo kế hoạch, chăm sóc rừng trồng đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật; tiếp tục nâng cao hiệu quả trong giao khoán bảo vệ rừng... Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 75/2015/NĐ-CP thông qua việc bảo vệ, phát triển, quản lý sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên và rừng sản xuất hiện có trên địa bàn tỉnh.

5. Thủy lợi, xây dựng cơ bản và các chương trình mục tiêu

- Tập trung rà soát, cân đối diện tích gieo trồng để xây dựng kế hoạch điều tiết nước sản xuất vụ Hè Thu 2020, nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp cho nhân dân.

- Hoàn thiện các hồ sơ dự án, công trình hoàn thành quyết toán của năm 2019; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình chuyển tiếp đang thi công sớm hoàn thành để đưa vào khai thác, sử dụng; đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ dự án, công trình đầu tư mới để sớm được khởi công theo kế hoạch vốn giao.

- Chỉ đạo các đơn vị tập trung kiểm tra các công trình hồ đập, đê điều, cảng cá, bến cá và khu neo đậu tránh trú bão; chuẩn bị và triển khai tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn vào đầu mùa mưa bão.

6. Cộng tác thanh kiểm tra, phòng chống tham nhũng

Tổ chức thanh tra, triển khai các cuộc thanh tra hành chính tại các đơn vị theo kế hoạch; thanh tra chuyên ngành (chú trọng tăng cường thanh tra đột xuất) trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón và giống cây trồng, lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, lĩnh vực thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế phẩm sinh học; tập huấn, tuyên truyền giáo dục pháp luật về thanh tra. Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, phấn đấu không đơn vị, cá nhân trong toàn ngành để xảy ra tiêu cực, tham nhũng.

7. Công tác khác

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ kế hoạch, giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện công tác tham mưu UBND tỉnh phê duyệt các báo cáo, đề án, kế hoạch... của ngành trên các lĩnh vực theo kế hoạch; các chính sách thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chính sách liên quan của ngành thực hiện giảm nghèo bền vững và các nhiệm vụ đột xuất khác.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, quyết định, kế hoạch của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo ngành. Tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2020.

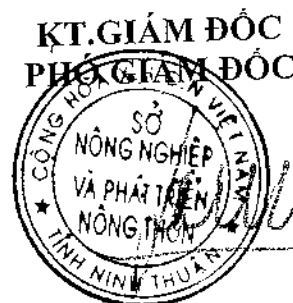
- Trả lời và giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo chức năng thẩm quyền được UBND tỉnh chỉ đạo thông qua các đợt tiếp xúc cử tri của Đoàn Đại biểu Quốc Hội, HĐND tỉnh; tổ chức tiếp dân và tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo về kết quả tình hình thực hiện quý I năm 2020, công tác chỉ đạo điều hành, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện quý II năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

(Đính kèm biểu số liệu sản xuất quý I/2020)

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở KHĐT, Cục Thống kê tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VP Sở: VT, KH.



Đặng Kim Cương

70

71

72

73

74

TIẾN ĐỘ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THUÝ SẢN I/2020



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện quý I năm 2019	Kế hoạch vụ hoặc năm 2020	Thực hiện quý I năm 2020	% so sánh với	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
A						5=3/2
B	C	1	2	3		
I	TRỒNG TRỌT	30.067,5	24.804,4	25.288,9	84,1	102,0
	<i>Trong đó: Diện tích gieo trồng mới vụ ĐX</i>	<i>26.009,1</i>	<i>19.940,5</i>	<i>20.423,7</i>	<i>78,5</i>	<i>102,4</i>
1	Cây lương thực có hạt	19.755,9	13.345,8	14.355,6	72,7	107,6
1.1	Lúa vụ Đông Xuân					
	+ Diện tích gieo cấy	17.050,5	11.120,8	11.974,2	70,2	107,7
	+ Năng suất	65,2	65,0	65,9	101,1	101,4
	+ Sản lượng	111.221,1	72.309,2	78.965,0	71,0	109,2
1.2	Ngô vụ Đông Xuân					
	+ Diện tích gieo trồng	2.685,4	2.200,0	2.371,4	88,3	107,8
	+ Năng suất	59,2	54,9	52,5	88,7	95,6
	+ Sản lượng	15.908,7	12.080,0	12.455,2	78,3	103,1
1.3	Cây có hạt khác					
	+ Diện tích gieo trồng	20,0	25,0	10,0	50,0	40,0
2	Cây có củ	4.572,0	5.397,9	5.243,9	114,7	97,1
2.1	Sắn					
	+ Tổng diện tích gieo trồng	4.478,4	5.193,9	5.193,9	116,0	100,0
	+ Tổng diện tích thu hoạch	4.478,4	5.193,9	5.193,9	116,0	100,0
	+ Diện tích trồng mới	378,5	330,0	274,0	72,4	83,0
	+ Năng suất thu hoạch	198,6	210,0	191,9	96,6	91,4
	+ Sản lượng	88.935,5	109.071,9	99.662,5	112,1	91,4
2.2	Khoai lang					
	+ Tổng Diện tích gieo trồng	93,6	204,0	49,5	52,9	24,3
	+ Năng suất	128,3	84,0	143,0	111,5	170,2
	+ Sản lượng	1.200,4	1.713,6	707,8	59,0	41,3
2.3	Khác			0,5		

116

1

116

1

116

1

116

1

116

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

1

3	Cây thực phẩm	Ha	3.925,1	3.818,0	3.856,4	98,2	101,0
3.1	Rau các loại						
	Diện tích gieo trồng	Ha	3.114,5	2.715,0	3.024,5	97,1	111,4
	Năng suất	tạ/ha	200,4	169,9	178,2	88,9	104,9
	Sản lượng	Tấn	62.429,6	46.125,0	53.886,4	86,3	116,8
3.2	Đậu các loại						
	Diện tích gieo trồng	Ha	789,8	1.072,0	803,7	101,8	75,0
	Năng suất	tạ/ha	11,1	6,1	8,5	76,6	139,3
	Sản lượng	Tấn	878,2	650,8	680,9	77,5	104,6
3.3	Hoa, cây cảnh						
	Diện tích gieo trồng	Ha	20,8	31,0	28,2	135,6	91,0
4	Cây công nghiệp hàng năm	Ha	336,1	579,0	317,4	94,4	54,8
4.1	Lạc vụ Đông Xuân						
	+ Tổng Diện tích gieo trồng	Ha	278,6	474,0	250,4	89,9	52,8
	+ Năng suất	tạ/ha	16,9	10,7	32,2	72,2	114,0
	+ Sản lượng	Tấn	469,8	505,8	305,1	64,9	60,3
4.2	Mía						
	+ Diện tích trồng mới	Ha	41,5		54,7	131,8	
4.3	Vùng						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	12,5	105,0	15,0	120,0	14,3
	+ Năng suất	tạ/ha	4,2	4,7	0,0	0,0	0,0
	+ Sản lượng	Tấn	5,2	49,0	0,0	0,0	0,0
4.4	Thuốc lá, thuốc Lào						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	45,0		52,0	115,6	
	+ Năng suất	tạ/ha	21,8		23,5	107,8	
	+ Sản lượng	Tấn	98,1		122,2	124,6	
5	Cây gia vị, dược liệu						
	Diện tích gieo trồng	Ha	330,7	321,0	268,2	81,1	83,6
6	Cây hàng năm khác						
	Diện tích gieo trồng	Ha	1.147,7	1.342,7	1.247,4	108,7	92,9
II	Chăn nuôi						

116

1

116

1

116

11

116

11

116

11

1	Sản lượng thịt hơi gia súc	Tấn	5.823,7		7.169,0	123,1
	+ Trâu	Tấn	66,0		46,8	70,9
	+ Bò	"	1.531,1		1.643,3	107,3
	+ Dê Cừu	"	1.001,6		1.094,5	109,3
	+ Lợn	"	3.225,0		4.384,4	136,0
2	Sản lượng thịt gia cầm	Tấn	1.390,4		1.477,1	106,2
3	Sản lượng trứng gia cầm	Triệu cái	13,1		14,6	111,5
III LÂM NGHIỆP						
1	Trồng mới rừng phòng hộ	Ha				
2	Giao khoán BV Rừng	Ha	60.935,3	65.987,3		108,3
3	Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha	4.803,0	3.027,0		63,0
IV ĐIỀM NGHIỆP						
1	Sản lượng muối khai thác	Tấn	42.800,0	350.000,0	173.920,0	406,4
2	Chia ra: - Sản xuất công nghiệp	"	20.000,0	200.000,0	110.200,0	55,1
	- Diêm dân	"	22.800,0	150.000,0	63.720,0	279,5
V THỦY SẢN						
	Tổng diện tích nuôi	Ha	266,5	767,0	263,3	98,8
1	Nuôi nước ngọt	"	72,0	80,0	78,0	108,3
	- Diện tích nuôi cá	"	72,0	80,0	78,0	108,3
2	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	194,5	687,0	185,3	95,3
	- Diện tích nuôi cá	"	8,0	15,0	5,0	62,5
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	112,0	530,0	112,3	100,3
	+ DT nuôi tôm sú	"	0,0	20,0	0,0	
	+ DT nuôi tôm thẻ	"	112,0	510,0	112,3	100,3
	- Diện tích nuôi khác	"	74,5	142,0	68,0	91,3
	+ Rong sụn và rong nho	"	12,0	42,0	12,0	100,0
	+ Cua, ghẹ, ốc hương, hàu...	"	62,5	100,0	56,0	89,6
	Thế tích nuôi lòng, bè	m ³	54.360,0	75.000,0	77.400,0	142,4
	+ Nuôi giáp xác	"	38.880,0	50.000,0	59.400,0	152,8
	+ Nuôi nhuyễn thể	"		0,0	0,0	
	+ Nuôi cá	"	15.480,0	25.000,0	18.000,0	116,3
						72,0

116

1

116

2

116

3

116

4

116

5

116

6

3	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con	9.590,0	36.200,0	10.138,0	105,7	28,0
	- Cá giống	"					
	- Tôm giống	"	9.550,0	36.000,0	10.098,0	105,7	28,1
	+ Tôm sú	"	2.350,0	6.000,0	2.620,0	111,5	43,7
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	7.200,0	30.000,0	7.478,0	103,9	24,9
	+ Tôm giống khác	"					
	- Nhuyễn thể giống (ốc hương, tu hài)	"	40,0	200,0	40,0	100,0	20,0
4	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	1.135,0	9.415,0	1.170,6	103,1	12,4
	- Nuôi nước ngọt	Tấn	55,5	250,0	69,5	125,2	27,8
	+ Sản lượng cá	"	55,5	250,0	69,5	125,2	27,8
	- Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	1.079,5	9.165,0	1.101,1	102,0	12,0
	+ Sản lượng cá nuôi	"	21,5	300,0	35,1	163,3	11,7
	+ Sản lượng tôm nuôi	"	650,0	5.865,0	645,0	99,2	11,0
	Sản lượng tôm sú	"	0,0	70,0	0,0		0,0
	Sản lượng tôm thẻ	"	650,0	5.795,0	645,0	99,2	11,1
	+ Tôm hùm	"	4,0	80,0	7,0	175,0	8,8
	+ Sản lượng thủy sản khác	"	404,0	2.920,0	414,0	102,5	14,2
5	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	22.730,9	113.305,0	19.202,8	84,5	16,9
	- Khai thác biển	Tấn	22.722,1	113.250,0	19.194,0	84,5	16,9
	+ Sản lượng cá	Tấn	21.736,2	108.000,0	18.202,4	83,7	16,9
	+ Sản lượng giáp xác (tôm)	Tấn	147,9	400,0	150,4	101,7	37,6
	+ Sản lượng nhuyễn thể	Tấn	672,8	3.200,0	553,2	82,2	17,3
	+ Sản lượng hải sản khác	"	165,2	1.650,0	288,0	174,3	17,5
	- Khai thác nội địa	Tấn	8,8	55,0	8,8	100,0	16,0

116

116

116

116

116

116

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11

11